

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01489

Trang 1/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Cơ học lý thuyết (207103) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 28/11/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV315

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi 60%	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11154001	TRẦN THẾ AN	DH11OT	2	<i>[Signature]</i>	6	8	1	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10137001	BÙI THỊ TRÂM	DH10NL	1	<i>[Signature]</i>	8	8	1	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11154002	NGUYỄN TUẤN	DH11OT	1	<i>[Signature]</i>	3	7	1	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10344093	NGUYỄN MINH AN	CD10CI	1	<i>[Signature]</i>	5	8	1	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11154003	TRẦN NGỌC THIÊN	DH11OT	1	<i>[Signature]</i>	3	7	6	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11154004	NGUYỄN THÀNH	DH11OT	1	<i>[Signature]</i>	5	7	5	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11154024	LÊ PHÚC	DH11OT	1	<i>[Signature]</i>	7	8	7	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11154027	NGUYỄN VĂN DINH	DH11OT	1	<i>[Signature]</i>	3	7	1	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11154029	TRẦN ANH	DH11OT	1	<i>[Signature]</i>	5	7	1	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11154005	ĐÀO VĂN DUYÊN	DH11OT	1	<i>[Signature]</i>	5	7	2	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11154030	NGUYỄN BÌNH	DH11OT	1	<i>[Signature]</i>	3	7	1	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11119006	TRẦN VŨ NGÂN	DH11CC	1	<i>[Signature]</i>	3	7	1	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10134036	BÙI HỮU	DH10GB	1	<i>[Signature]</i>	7	7	2	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11154051	TRỊNH XUÂN	DH11OT	1	<i>[Signature]</i>	5	7	1	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10344058	MAI THỊ	CD10CI	1	<i>[Signature]</i>	3	7	5	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11154055	CHÂU NGỌC HIỆP	DH11OT	1	<i>[Signature]</i>	7	8	1	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10154013	PHẠM VĂN HIỆP	DH10OT	1	<i>[Signature]</i>	7	7	2	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11154006	ĐOÀN MINH HIẾU	DH11OT	1	<i>[Signature]</i>	9	8	1	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 28.....; Số tờ: 29.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

[Signature] N. V. Kiệp
[Signature] NT Phúc

[Signature]
Đặng Hữu Dũng

[Signature] Đỗ Hữu Toàn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01489

Trang 2/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Cơ học lý thuyết (207103) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 28/11/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV315

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi 60%	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11154040	TRƯƠNG CÔNG HIẾU	DH11OT							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	11154032	VŨ THANH HIẾU	DH11OT	1		7	8	5	6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
21	11154033	NGUYỄN VĂN HÓA	DH11OT	1		3	7	1	2,6	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	10134004	THÁI THỊ HOÀI	DH10GB	1		7	8	5	6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	11154007	ĐẶNG MINH HOÀNG	DH11OT	1		3	7	1	2,6	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	10344060	VÕ VĂN HOÀNG	CD10CI	1		8	8	2	4,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	11154056	NGUYỄN TÂM HỌC	DH11OT	1		9	8	2	4,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	11154035	LIÊ HUY HÙNG	DH11OT	1		7	8	8	7,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	10154067	DƯƠNG HOÀNG HUY	DH10OT	1		8	8	2	4,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	11154063	TRẦN HOÀNG HUY	DH11OT	1		3	7	1	2,6	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	11119007	NGUYỄN PHƯỚC HÙNG	DH11CC	1		3	7	5	5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
										☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

Số bài: 28.....; Số tờ: 29.....
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

NT Phú

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Đặng Hữu Dũng

Cán bộ chấm thi 1&2

Đỗ Hữu Toàn

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01490

Trang 1/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Cơ học lý thuyết (207103) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 28/11/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV319

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (2c %)	Đ2 (2c %)	Điểm thi (6c %)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11119005	ĐOÀN THỊ HƯƠNG	DH11CC	1	<i>h</i>	9	9	5	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11154057	NGÔ TRÍ HỮU	DH11OT	1	<i>Hữu</i>	7	8	1	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11154008	ĐẶNG NGUYỄN MINH KHA	DH11OT							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11119004	HOÀNG VĂN KHANG	DH11CC							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10137073	ĐOÀN KIM KHOA	DH10NL							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11154038	NGUYỄN CAO VINH KHƯƠNG	DH11OT	1	<i>Khương</i>	8	8	5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11154039	NGUYỄN LAI	DH11OT							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11119001	NGUYỄN NGỌC LÂM	DH11CC	1	<i>Lâm</i>	3	7	6	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11119008	HỒ TÀI LINH	DH11CC	1	<i>Tài</i>	3	7	1	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11154060	ĐOÀN THẾ LUÂN	DH11OT	1	<i>Luân</i>	3	6	1	2,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11154042	NGÔ HOÀNG LUÂN	DH11OT	1	<i>Ngô</i>	5	7	1	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11154009	ĐINH CÔNG LỰC	DH11OT	1	<i>Lực</i>	5	7	5	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10154022	NGUYỄN VĂN LỰC	DH10OT	1	<i>Lực</i>	6	2	5	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10344085	TRẦN VĂN LỰC	CD10CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11154045	CHU ĐỨC MINH	DH11OT	1	<i>Minh</i>	3	7	1	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11154036	LÊ ANH MINH	DH11OT							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	07138009	TRẦN HOÀI NAM	DH08TD	1	<i>Nam</i>	5	1	8	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10115006	LÊ TRỌNG NGHĨA	DH10CB	1	<i>Nghĩa</i>	3	7	1	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 19; Số tờ: 19...

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 28 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Nguyễn Thị Hoài Thu

Đặng Hữu Dũng

Đỗ Hữu Tâm

Nguyễn Thị Hoài Thu

Đặng Hữu Dũng

Trang 2/2

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 1

Đặng Hữu Duyệt

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01491

Trang 1/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Cơ học lý thuyết (207103) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 28/11/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV323

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (2c %)	Đ2 (2c %)	Điểm thi (6c %)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	1154012	NGUYỄN THANH PHONG	DH11OT	1	<i>phong</i>	5	7	5	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	07118014	NGUYỄN CHƯƠNG PHÚ	DH08CK	1	<i>phuong</i>	8	8	5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11119013	QUÁCH ĐẠI HỒNG	DH11CC	1	<i>phuc</i>	5	7	1	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10344096	LÊ MINH QUỐC	CD10CI	1	<i>quoc</i>	6	7	1	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10154032	ĐỖ VĂN QUÝ	DH10OT	1	<i>duy</i>	8	8	5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10134019	HUỖNH THỊ KIM QUÝ	DH10GB	1	<i>duy</i>	7	7	3	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11154014	UNG NGỌC QUÝ	DH11OT	1	<i>ngoc</i>	5	7	1	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11154013	NGÔ VĂN QUYẾT	DH11OT	1	<i>ngoi</i>	8	7	1	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10154091	NGUYỄN DƯƠNG ĐỨC SANH	DH10OT	1	<i>san</i>	5	7	1	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11154015	THÔNG PHỔ SÂU	DH11OT	1	<i>son</i>	8	7	1	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10119004	NGUYỄN VĂN SĨ	DH10CC	1	<i>sin</i>	3	2	2	2,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10154033	ĐẶNG VĂN SIL	DH10OT	1	<i>sil</i>	8	8	6	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11119010	KIỀU VĂN THÁI SON	DH11CC	1	<i>son</i>	5	7	1	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11154049	NGUYỄN HOÀNG SON	DH11OT	1	<i>son</i>	8	8	1	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	08119005	NGUYỄN VĂN SỰ	DH08CK	1	<i>su</i>	8	8	7	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11154043	TRẦN ĐỨC TÀI	DH11OT	1	<i>tai</i>	3	7	1	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11154016	TRƯƠNG CHÍ TÂM	DH11OT		<i>tram</i>	9	8	5	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11154017	DƯƠNG NGUYỄN KHÁNH TÂN	DH11OT	1	<i>tan</i>	3	7	1	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 18; Số tờ: 18

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Đặng Hữu Duyệt

Đỗ Hữu Toàn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01491

Trang 2/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Cơ học lý thuyết (207103) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 28/11/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV323

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi 60%	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10153035	NGUYỄN MINH TÂN	DH10CD	1		0	0	1	0,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11154025	TRẦN NHẬT TÂN	DH11OT	1		7	7	1	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	08137022	NGUYỄN MINH TÂY	DH08NL	1		5	6	5	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	10154086	DƯƠNG CHÍ THANH	DH10OT	1		5	7	5	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11154018	DƯƠNG HỒNG THANH	DH11OT	1		8	8	1	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11154044	TRẦN MINH THANH	DH11OT	1		7	8	1	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11154058	LÊ VĂN THÀNH	DH11OT	1		8	8	1	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10137057	NGUYỄN DUY THÀNH	DH10NL	1		9	8	1	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	10154039	VĂN TIẾN THÀNH	DH10OT	1		7	7	1	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	09115048	VÕ THỊ HƯƠNG	DH09CB	1		0	0	1	0,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	10169037	VŨ THỊ THU	DH10GN	1		3	7	1	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11154059	LÊ XUẤT THÂN	DH11OT	1		9	8	7	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11154048	BÙI MINH THIÊN	DH11OT	1		3	7	1	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11154019	TRƯƠNG HỮU THIÊN	DH11OT	1		8	8	2	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11119011	NGÔ QUANG THỊNH	DH11CC	1		8	8	1	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	10137013	NGUYỄN THỊ CẨM TIẾN	DH10NL	1		9	8	1	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11154062	NGUYỄN MINH TIẾN	DH11OT	1		6	8	1	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11154020	VŨ TRẦN TIẾN	DH11OT	1		8	8	1	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 1, 8; Số tờ: 1, 8

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01491

Trang 3/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Cơ học lý thuyết (207103) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 28/11/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV323

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi 60%	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10138029	VÕ NHẬT TÍNH	DH10TD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11154031	NGUYỄN CHÍ TRAI	DH11OT	1	<i>Chi</i>	3	5	1	2,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11154023	LÊ HỒNG TRE	DH11OT							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11154021	ĐẶNG QUỐC TRÍ	DH11OT	1	<i>Đ</i>	5	7	1	3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11154034	ĐINH QUỐC TRUNG	DH11OT	1	<i>Đ</i>	3	7	2	3,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	07119006	NGUYỄN QUANG TRUNG	DH08CK	1	<i>Qu</i>	8	5	2	3,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11154052	PHAN THANH TRUNG	DH11OT	1	<i>Tr</i>	8	8	5	6,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	07150194	BÙI QUỐC TUẤN	DH08CK	1	<i>B</i>	9	9	5	6,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11154061	NGUYỄN ANH TUẤN	DH11OT	1	<i>N</i>	3	2	1	1,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11154053	HUỖNH THANH TÙNG	DH11OT	1	<i>H</i>	3	7	1	2,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11119003	NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN	DH11CC	1	<i>K</i>	5	7	1	3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	10153053	NGUYỄN THIÊN TÚ	DH10CD	1	<i>N</i>	7	8	7	7,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11154054	PHẠM NHƯ VÂN	DH11OT	1	<i>P</i>	8	8	5	6,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	10119017	TRẦN VĂN VINH	CD11CI							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	10169047	VÕ QUỐC VU	DH10GN							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	10138053	NGUYỄN VĂN VƯƠNG	DH10TD	1	<i>N</i>	7	8	5	6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 1/6; Số tờ: 1/6

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Đặng Hữu Dũng

Đỗ Hữu Toàn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01493

Trang 1/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Cơ học lý thuyết (207103) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 28/11/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV333

Nhóm Thi : Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09138001	VÕ LƯƠNG THÀNH AN	DH09TD	1		3	7	5	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10153061	HỒ VĂN BÌNH	DH10CD	1		5	8	3	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	09119005	PHẠM MINH CHÍNH	DH09CC	1		5	8	8	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10154058	ĐẬU VĂN CÔNG	DH10OT	1		5	7	6	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10169060	HÀ XUÂN ĐÔNG	DH10GN							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	08137031	VŨ XUÂN HẢI	DH08NL	1		8	7	5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10153075	HUỲNH PHÚC HẬU	DH10CD	1		0	0	2	1,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	07138029	TRẦN KHÁNH HƯNG	DH08TD	1		0	0	5	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10153017	NGUYỄN DUY KHÁNH	DH10CD	1		5	8	1	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10119002	NGUYỄN ĐÌNH LINH	DH10CC	1		3	6	1	2,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10153022	ĐOÀN VĂN LỢI	DH10CD	1		5	8	7	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10153023	NGUYỄN VĂN LY	DH10CD	1		5	8	7	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10153056	HOÀNG VĂN MỸ	DH10CD	1		7	7	7	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10153025	VÕ VĂN NHÂN	DH10CD	1		5	8	8	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10153026	PHẠM ĐỨC NHẬT	DH10CD	1		5	8	5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10153030	NGUYỄN VĂN QUỲNH	DH10CD	1		7	8	5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	08137020	NGUYỄN ANH SAN	DH08NL	1		3	7	1	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10137027	NGUYỄN VĂN SANG	DH10NL	1		5	7	1	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 37..... Số tờ: 37.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Đ. Phan Minh Tiến

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Đặng Hữu Dũng

Cán bộ chấm thi 1&2

Đ. Hữu Tuấn

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01493

Trang 2/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Cơ học lý thuyết (207103) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 28/11/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV333

Nhóm Thi : Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08118014	NGUYỄN QUỐC SÁNG	DH08CK	1		6	8	2	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	10153033	NGUYỄN TƯỜNG TAM	DH10CD	1		5	8	3	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	08154025	MAI VĂN TÂN	DH08OT	1		8	8	6	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	08154026	HUỖNH TRUNG TẤN	DH08OT	1		3	8	5	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	08154027	ĐỖ VĂN TÂN	DH08OT	1		5	8	3	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10137029	NGUYỄN TĂNG THÀNH	DH10NL	1		5	7	2	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	08154030	TRẦN VĂN THẠNH	DH08OT	1		5	8	8	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	07118019	LƯU ĐỨC THẮNG	DH08CK	1		0	0	5	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	09134010	NGUYỄN THỊ THANH THÙY	DH09GB	1		8	8	2	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	09134029	PHẠM NGUYỄN THÙY TIỀN	DH09GB	1		5	8	6	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	08115034	VÕ THANH TIỀN	DH08CB	1		8	8	7	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	08137008	TRẦN QUỐC TIẾN	DH08NL	1		5	7	3	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	10153064	HOÀNG VĂN TRANG	DH10CD	1		8	7	1	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	10154049	DƯƠNG MẠNH TRÍ	DH10OT	1		5	8	7	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	10169015	LÊ VĂN TUẤN	DH10GN	1		5	7	1	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	10153052	HUỖNH THANH TÙNG	DH10CD	1		7	8	3	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	09134015	TRẦN TUẤN VIỆT	DH09GB	1		7	8	8	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	09138054	NGUYỄN HOÀNG VINH	DH09TD	1		5	8	5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 37..... Số tờ: 37.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Trang 3/2

Nhóm Thi : **Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 1**

Số bài: 32; Số tờ: 32
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Ngày tháng năm

Đỗ Văn Công
Đỗ Văn Công

Đặng Hữu Dũng

Em Đỗ Hữu Toàn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01492

Trang 1/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Cơ học lý thuyết (207103) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 28/11/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV325

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08138018	VŨ THẾ ANH	DH08TD	1	<i>Anh</i>	7	7	3	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11138013	TRẦN MẠNH CƯỜNG	DH11TD	1	<i>Trần</i>	7	7	2	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	07119011	NGÔ VĂN DŨNG	DH08CK	1	<i>Ngô</i>	8	5	8	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11118004	NGUYỄN MỘNG ĐẠT	DH11CK	1	<i>Đạt</i>	8	8	2	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11138002	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	DH11TD	1	<i>Đạt</i>	0	0	1	0,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11138001	TRẦN TIẾN ĐẠT	DH11TD	1	<i>Đạt</i>	7	7	1	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10153060	TRƯƠNG VĂN ĐIỀN	DH10CD	1	<i>Trương</i>	8	7	2	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10119019	MAI XUÂN ĐIỀU	DH10CC	1	<i>Maier</i>	3	5	8	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10138004	BÙI NGỌC ĐỨC	DH10TD	1	<i>Bùi</i>	0	0	1	0,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10134014	NGUYỄN THỊ THU HÀ	DH10GB	1	<i>Thu</i>	3	7	6	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	09154015	NGUYỄN MINH HẢI	DH09OT	1	<i>Minh</i>	7	8	6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10119025	NGUYỄN VINH HẢI	DH10CC	1	<i>Vinh</i>	7	6	6	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	08138050	PHAN XUÂN HẢI	DH08TD	1	<i>Phan</i>	7	8	3	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11138012	ĐINH VĂN HIỀN	DH11TD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10137019	VŨ THẾ HOÀNG	DH10NL	1	<i>Hoàng</i>	6	7	3	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10344083	TRẦN VĂN HỌC	CD10CI	1	<i>Học</i>	7	2	2	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11118001	ĐÀO THANH HUY	DH11CK	1	<i>Huy</i>	9	8	2	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11138008	HỒ VĂN HƯNG	DH11TD	1	<i>Hung</i>	6	7	2	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 58..... Số tờ: 58.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Tân Phước
Vũ Ba Xìc

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Đặng Hữu Dũng

Cán bộ chấm thi 1&2

Đỗ Hữu Toàn

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01492

Trang 2/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Cơ học lý thuyết (207103) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 28/11/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV325

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi 60%	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10154016	NGUYỄN CHÍ HƯNG	DH10OT	1	<i>Hưng</i>	5	1	2	2,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11118010	SENG ALOUN	DH11CK	1	<i>Aloun</i>	3	7	2	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	10134011	NGUYỄN PHÚC LONG	DH10GB	1	<i>Long</i>	7	6	3	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	10137004	ĐỒNG PHÚC LỘC	DH10NL	1	<i>Loc</i>	6	7	2	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11138005	HUỖNH THIÊN LỘC	DH11TD	1	<i>Zun</i>	6	6	1	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10137018	HỒ TRÍ LUÂN	DH10NL	1	<i>Tran</i>	7	5	2	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10344003	PHAN NGỌC LUY	CD10CI	1	<i>Ngoc</i>	7	2	3	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	07138036	BUI CÔNG LỰC	DH08TD	1	<i>Luoc</i>	0	0	3	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11138009	PHẠM MINH LÝ	DH11TD	1	<i>Minh</i>	3	7	3	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	10344015	LÊ VĂN MINH	CD10CI	1	<i>Minh</i>	5	5	2	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	08138009	NGUYỄN THÀNH NAM	DH08TD	1	<i>Thanh</i>	7	6	3	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	10137026	VÕ ĐỨC NGHĨA	DH10NL	1	<i>Ngoc</i>	8	8	5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	10119027	VÕ TRỌNG NGHĨA	DH10CC	1	<i>Tran</i>	3	3	2	2,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	10138036	NGÔ HỮU PHÚC	DH10TD	1	<i>Phuc</i>	7	1	2	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	09118014	NGUYỄN HỒNG PHÚC	CD10CI	1	<i>Phuc</i>	5	7	5	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11138010	LÊ DUY PHƯỚC	DH11TD	1	<i>Duy</i>	7	8	6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	10137009	LÊ THẾ QUAN	DH10NL	1	<i>Quan</i>	7	5	3	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	08153021	TRẦN THANH QUẤT	DH08CD	1	<i>Thanh</i>	0	0	2	1,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 58; Số tờ: 58

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Văn Phúc
Vũ Bá Xuyến

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Phan
Đặng Hân Dũng

Cán bộ chấm thi 1&2

Phan
Đỗ Hữu Toàn

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01492

Trang 3/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Cơ học lý thuyết (207103) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 28/11/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV325

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi 60%	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11138004	DƯƠNG PHƯỚC PHÚ QUÝ	DH11TD	1	<i>Quy</i>	7	7	2	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	10138028	NGUYỄN TRỌNG TÀI	DH10TD	1	<i>Tài</i>	6	2	7	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	08118015	LƯƠNG HOÀNG THÁI	DH08CK	1	<i>Thái</i>	0	0	6	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	09137014	PHẠM MINH THANH	DH09NL	1	<i>Thanh</i>	7	7	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	07119023	NGUYỄN CÔNG THÀNH	DH08CK							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11118006	PHẠM TẤN THÀNH	DH11CK	1	<i>Thành</i>	8	8	6	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	10138043	ĐẶNG THỊ MỸ THIÊN	DH10TD	1	<i>Thiên</i>	8	8	8	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11118007	LÊ SỸ THỊNH	DH11CK	1	<i>Thịnh</i>	3	7	2	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11138016	NGUYỄN LÊ HOÀNG THÔNG	DH11TD	1	<i>Thông</i>	7	7	6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	10154045	VŨ CÔNG THUẬN	DH10OT	1	<i>Thuận</i>	3	7	6	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11118005	MAO THANH THUẬN	DH11CK	1	<i>Thanh</i>	8	8	9	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	10344071	DƯƠNG VŨ MINH TIÊN	CD10CI	1	<i>Minh</i>	7	6	1	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	10344072	NGUYỄN CÔNG TIẾN	CD10CI	1	<i>Tiến</i>	8	7	3	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	10154047	NGUYỄN VĂN TÍM	DH10OT	1	<i>Tím</i>	6	7	7	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11118009	NGUYỄN THÁI TÌNH	DH11CK	1	<i>Thái</i>	7	7	3	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	11138003	TRẦN PHÚ TOÀN	DH11TD	1	<i>Phú</i>	5	7	3	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	11118002	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	DH11CK	1	<i>Trường</i>	7	6	4	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	10154088	LÊ VĂN TUẤN	DH10OT	1	<i>Tuấn</i>	8	8	8	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 58; Số tờ: 58

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Nguyễn Tấn Phước
Vũ Bá Xuyến

Đặng Hữu Dũng

Đỗ Hữu Toàn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Mã nhận dạng 01492

Trang 4/2

Môn Học : Cơ học lý thuyết (207103) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 28/11/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV325

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	10344057	NGUYỄN VĂN TUẤN	CD10CI	1		8	7	8	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	10154084	TRINH VĂN TUẤN	DH100T	1		7	8	7	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	10137069	VÕ MINH TUẤN	DH10NL	1		8	8	7	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	10154098	NGUYỄN TIẾN TÙNG	DH100T	1		7	7	6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	11138011	HUỖNH MINH VŨ	DH11TD	1		3	5	5	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	11118003	LÝ QUANG VƯƠNG	DH11CK	1		8	8	1	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 58 Số tờ: 58
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01485

Trang 1/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Cơ học lý thuyết (207103) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 28/11/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV217

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09115003	NGUYỄN HỮU BÌNH	DH09CB	1	<i>Bình</i>	9	7	7	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	09115005	TRƯƠNG THỊ HOAN	DH09CB	1	<i>Hoan</i>	6	8	8	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10138019	TRẦN VĂN CƯỜNG	DH10TD	1	<i>Cường</i>	3	7	2	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	09115008	NGUYỄN VIỆT DŨNG	DH09CB	1	<i>Dũng</i>	0	5	5	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	09115009	NGUYỄN VŨ ĐOÀN	DH09CB	1	<i>Đoàn</i>	9	7	3	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10153006	HOÀNG VĂN ĐỒNG	DH10CD	1	<i>Đồng</i>	8	8	5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10153009	PHẠM HỮU ĐỨC	DH10CD	1	<i>Đức</i>	7	8	5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	09134003	LÊ HỮU EM	DH09GB	1	<i>Em</i>	3	7	5	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	09115065	HOÀNG TRƯỜNG GIANG	DH09CB	1	<i>Giang</i>	8	8	3	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10169028	NGUYỄN THU HÀ	DH10GN	1	<i>Hà</i>	8	8	5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10137076	MAI THANH HIỀN	DH10NL	1	<i>Hiền</i>	9	8	8	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10134003	BUI VĂN HIỀN	DH10GB	1	<i>Hiền</i>	5	7	2	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10137041	NGUYỄN CÔNG HIẾN	DH10NL							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	08138005	GIANG THANH HOÀNG	DH08TD	1	<i>Hoàng</i>	0	0	1	0,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10344082	NGUYỄN HỮU HOÀNG	CD10CI	1	<i>Hoàng</i>	3	7	1	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	09115017	LÂM THỊ ANH	DH09CB	1	<i>Anh</i>	6	8	3	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10154070	DƯƠNG MINH HỌP	DH10OT	1	<i>Hợp</i>	3	7	1	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10134027	NGUYỄN THỊ BÍCH HUỆ	DH10GB	1	<i>Huệ</i>	9	9	7	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 34..... Số tờ: 34.....
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2
Đỗ Hữu Toàn
Nguyễn Hải Đăng

Duyệt của Trưởng Bộ môn
Đỗ Hữu Toàn
Đặng Hữu Dũng

Cán bộ chấm thi 1&2
Đỗ Hữu Toàn

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01485

Trang 2/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Cơ học lý thuyết (207103) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 28/11/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV217

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10138059	LÊ VĂN HÙNG	DH10TD	1	<i>Hy</i>	3	7	2	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	10169033	TRẦN MINH HUY	DH10GN	1	<i>Huy</i>	8	7	3	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	10134013	NGUYỄN HƯNG	DH10GB	1	<i>Hy</i>	7	6	2	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	10169039	ĐÀO THIÊN KHÁNH	DH10GN	1	<i>Ke</i>	8	8	1	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	09154027	CHẾ MINH KHIÊM	DH09OT	1	<i>Thom</i>	0	0	1	0,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10153018	NGUYỄN HOÀNG KHIÊM	DH10CD	1	<i>Khiem</i>	9	9	5	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10134032	NGUYỄN THỊ THANH KIỀU	DH10GB	1	<i>Keu</i>	7	8	1	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	08118028	NGUYỄN ANH KỲ	DH08CK							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	10169008	LÊ THỊ NGỌC LINH	DH10GN	1	<i>Ngoc</i>	9	9	2	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	10119007	NGUYỄN ĐÌNH LONG	DH10CC	1	<i>Long</i>	6	8	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	10153068	ĐẶNG TRẦN HOÀI LỘC	DH10CD	1	<i>Hoai</i>	6	8	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	10154021	NGUYỄN THÀNH LUÂN	DH10OT	1	<i>Luân</i>	5	7	5	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	09115025	LÊ THỊ THU MAI	DH09CB							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	08154018	LÊ TRỌNG MỸ	DH08OT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	10153065	TRƯƠNG NGỌC HẢI NAM	DH10CD	1	<i>Nam</i>	8	8	6	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	10134005	NGUYỄN TRUNG NGHĨA	DH10GB	1	<i>Uy</i>	8	8	2	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	10134018	VĂN THỊ TRUNG NGHIỆP	DH10GB	1	<i>Uy</i>	8	8	6	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	10169017	HỒ THẢO NGUYÊN	DH10GN	1	<i>Thao</i>	9	8	6	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 34 Số tờ: 34
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2
Đỗ Hữu Toàn
Nguyễn Đăng Trí

Duyệt của Trưởng Bộ môn
HL
Đỗ Hữu Toàn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày tháng năm
Đỗ Hữu Toàn

Trang 3/2

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

Số bài: 34.....; Số tờ: 34..
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Ngày tháng năm

MĐ Đỗ Hữu Tâm

Đầy Hồn Đầy

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01486

Trang 1/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Cơ học lý thuyết (207103) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 28/11/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV219

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09115034	LÊ HỒNG NHUNG	DH09CB	1	<i>nh</i>	9	9	7	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	09115035	TRƯƠNG MINH NHỰT	DH09CB	1	<i>nh</i>	8	8	8	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10134007	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DH10GB	1	<i>ph</i>	8	8	7	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10138012	NGUYỄN ĐÌNH QUYÊN	DH10TD	1	<i>qu</i>	9	9	5	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10154081	MAI HÀ SANG	DH10OT	1	<i>sa</i>	3	7	7	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10169023	TRẦN QUANG SANG	DH10GN	1	<i>sa</i>	8	7	5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10154095	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	DH10OT	1	<i>tr</i>	8	8	3	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10169048	NGUYỄN MINH TÂM	DH10GN	1	<i>ta</i>	8	7	1	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	09115041	NGUYỄN THANH TÂM	DH09CB	1	<i>ta</i>	8	8	5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10153034	HOÀNG SỸ MINH TÂN	DH10CD	1	<i>ta</i>	3	7	1	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10134008	HUỖNH CÔNG THÀNH	DH10GB	1	<i>th</i>	8	7	1	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10134016	LÊ MINH THUẬN	DH10GB	1	<i>lu</i>	8	8	6	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10153045	VÕ HUỖNH THUẬN	DH10CD	1	<i>th</i>	3	7	5	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	09115052	LÊ THỊ THANH THỦY	DH09CB	1	<i>th</i>	9	7	3	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	09115055	DƯƠNG THỊ CẨM TIÊN	DH09CB	1	<i>ca</i>	3	7	9	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10137074	BÙI VĂN TÌNH	DH10NL	1	<i>bu</i>	8	7	6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10169014	LÊ THIÊN TRUNG	DH10GN	1	<i>tr</i>	8	8	7	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10137072	NGUYỄN THÀNH TRUNG	DH10NL	1	<i>tr</i>	7	8	6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 25; Số tờ: 25

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 28 tháng 11 năm 2011

Nguyễn Thanh Phương

Đặng Hữu Dũng

Đỗ Hữu Tâm

Trang 2/2

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

Số bài: 25; Số tờ: 25
 Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
 Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Ngày 28 tháng 11 năm 2011

Đã Hân Dãy

mf Đỗ Hữu Toàn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01488

Trang 1/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Cơ học lý thuyết (207103) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 28/11/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV225

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11153025	HUYNH CÔNG	LY	DH11CD		9	8	1	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11153027	BUI CÔNG	NAM	DH11CD		3	7	2	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11153034	ĐẶNG TRUNG	NGHĨA	DH11CD		0	0	2	1,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10119010	PHAN THANH	NHÂN	DH10CC		8	8	5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	07153026	NGUYỄN ANH	NHIÊN	DH08CD		3	6	6	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11153008	NGUYỄN ĐÌNH	NHON	DH11CD		8	8	5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11137001	NGUYỄN MINH	PHÁT	DH11NL		8	8	7	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11153009	VÕ MINH	PHƯƠNG	DH11CD		8	2	5	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10134024	VY NAM	PHƯƠNG	DH10GB		8	8	3	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11153035	TRẦN HOÀNG	QUỐC	DH11CD		3	7	5	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11153013	LÊ VĂN	TÂM	DH11CD		9	9	8	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11153032	PHẠM CÔNG	TÂN	DH11CD		8	8	8	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	09115049	TRẦN QUANG	THẠCH	DH09CB		9	9	7	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11153029	LÊ DUY	THÀNH	DH11CD		8	8	3	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	09115045	MAI THÀNH	THAO	DH09CB		7	8	5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11153030	PHAN TÂN	THỊNH	DH11CD						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11153031	PHAN TRƯỜNG	THỊNH	DH11CD		8	8	6	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10154046	HÀ MINH	THÙY	DH10OT		0	0	1	0,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 25; Số tờ: 25

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 28 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01488

Trang 2/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Cơ học lý thuyết (207103) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 28/11/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV225

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi 60%	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11153028	HUỖNH NGỌC TIẾN	DH11CD		Tiến	9	9	2	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11153014	TRẦN QUỐC TĨNH	DH11CD		Quốc	3	7	3	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11153010	NGUYỄN QUỐC TOÀN	DH11CD		Toàn	8	8	1	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11153005	LÊ KHẮC	DH11CD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10153050	NGUYỄN NGỌC TRUNG	DH10CD		Trung	9	9	7	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	09153080	VŨ ĐỨC	DH09CD		Đức	5	7	1	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	08154039	HOÀNG VĂN TRƯỜNG	DH08OT		Trường	8	8	5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10137063	TRẦN THANH TRƯỜNG	DH10NL		Trường	6	8	3	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	09119040	NGUYỄN HÙNG VINH	DH09CC		Vinh	6	8	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	07138067	PHẠM ANH VŨ	DH08TD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 15; Số tờ: 25

Cán bộ coi thi 1&2

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 18 tháng 11 năm 2011

(Chữ ký)
Nguyễn Hải Triều
Trần Quốc Toàn

(Chữ ký)
Đặng Hữu Dũng

(Chữ ký)
Đỗ Hữu Toàn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01487

Trang 1/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Cơ học lý thuyết (207103) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 28/11/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV223

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi 60%	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	1153006	HUYỀN VŨ AN	DH11CD		<i>Đuoc</i>	8	8	2	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	1153011	NGUYỄN TRUNG CHÁNH	DH11CD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10154075	LÊ VĂN CHIẾN	DH10OT		<i>Chiến</i>	5	8	2	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	1153012	BÙI THÁI CHINH	DH11CD		<i>Chinh</i>	7	7	2	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	1153001	NGUYỄN ĐỨC DUY	DH11CD		<i>Duy</i>	8	8	3	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	1153018	ĐÌNH PHÚC ĐẠI	DH11CD		<i>Đ. Phúc</i>	3	7	1	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	1153038	LÊ HẢI ĐĂNG	DH11CD		<i>Đ. Hải</i>	8	8	8	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	1153016	TRẦN THANH HIẾU	DH11CD		<i>B</i>	6	8	3	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	1137002	LÊ NGỌC ĐỨC	DH11NL		<i>Ngọc</i>	8	8	9	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	1153026	PHAN TRUNG HẬU	DH11CD		<i>Phan</i>	9	9	6	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	1153023	TRẦN QUỐC HIỆP	DH11CD		<i>Hiệp</i>	0	0	1	0,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	1153021	NGUYỄN VĂN HÒA	DH11CD		<i>H. Văn</i>	8	7	1	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	1153007	UNG MINH HOAN	DH11CD		<i>Minh</i>	9	8	5	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	1137004	BÙI MẠNH HÙNG	DH11NL		<i>Hùng</i>	9	9	5	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	1153017	NGUYỄN VĂN HÙNG	DH11CD		<i>H. Văn</i>	8	2	1	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	1153024	NGUYỄN VIỆT HÙNG	DH11CD		<i>Việt</i>	7	7	1	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	1153003	NGUYỄN XUÂN HUY	DH11CD		<i>Xuân</i>	8	7	1	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	1153019	LÊ HOÀNG KHAI	DH11CD		<i>Hoàng</i>	7	8	1	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 24; Số tờ: 24

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Nguyễn Văn Hải
Ngô Thị Phương Thảo

Đỗ Hải Dương

Đỗ Hải Dương

Trang 2/2

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

Số bài: ...2.1.....; Số tờ: ...2.1.....
 Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2.
 Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Ngày tháng năm

Ngũ Thị Phương Thảo trưởng

Đầy Hân Dữ

Im Đỗ Hữu Toàn



Bảng Ghi Điểm m Thi
Điểm m thi học kỳ
Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học/Nhóm Cơ sở lý thuyết (207103) - 02
CBGD Đồ Hử u Toà n (310)
Ngày Thi / / Phòng Thi

Số Tín Chỉ: 3

Trang									
STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Đ.Số	Điểm Chữ	Ghi Chú		
1	10344055	NGUYỄN HOÀNG HUY	07/07/91	CD10CI					
2	07153026	NGUYỄN ANH NHIÊN	11/10/87	DH08CD					
3	07118009	PHAN VĂN LỢI	08/04/89	DH08CK					
4	08154039	HOÀNG VĂN TRƯỜNG	15/11/90	DH08OT					
5	07138067	PHẠM ANH VŨ	12/02/88	DH08TD					
6	09115045	MAI THÀNH THAO	19/11/91	DH09CB					
7	09115049	TRẦN QUANG THẠCH	13/10/90	DH09CB					
8	09119040	NGUYỄN HÙNG VINH	21/12/91	DH09CC					
9	09153080	VŨ ĐỨC TRUNG	29/09/91	DH09CD					
10	10119010	PHAN THANH NHÂN	25/10/91	DH10CC					
11	10153050	NGUYỄN NGỌC TRUNG	10/06/91	DH10CD					
12	10134024	VY NAM PHƯƠNG	23/03/92	DH10GB					
13	10137063	TRẦN THANH TRƯỜNG	03/09/92	DH10NL					
14	10154046	HÀ MINH THÙY	23/10/92	DH10OT					
15	10154075	LÊ VĂN CHIẾN	15/09/92	DH10OT					
16	11137004	BÙI MẠNH HÙNG	01/01/93	DH11CC					
17	11137006	TRẦN VĂN KHANH	16/02/93	DH11CC					
18	11153001	NGUYỄN ĐỨC DUY	26/10/87	DH11CD					
19	11153003	NGUYỄN XUÂN HUY	11/04/93	DH11CD					
20	11153005	LÊ KHẮC TOÀN	11/12/93	DH11CD	1	Một			
21	11153006	HUYỀN VŨ AN	12/08/93	DH11CD					
22	11153007	UNG MINH HOAN	05/08/93	DH11CD					
23	11153008	NGUYỄN ĐÌNH NHƠN	16/12/92	DH11CD					
24	11153009	VÕ MINH PHƯƠNG	27/03/93	DH11CD					
25	11153010	NGUYỄN QUỐC TOÀN	30/10/93	DH11CD					
26	11137001	NGUYỄN MINH PHÁT	16/08/93	DH11CD					
27	11137002	LÊ NGỌC ĐỨC	16/07/93	DH11CD					
28	11153011	NGUYỄN TRUNG CHÁNH	10/03/93	DH11CD					
29	11153012	BÙI THÁI CHINH	13/11/93	DH11CD					
30	11153013	LÊ VĂN TÂM	16/11/93	DH11CD					
31	11153014	TRẦN QUỐC TỈNH	04/03/93	DH11CD					
32	11153016	TRẦN THANH HIẾU ĐỀ	07/10/93	DH11CD					
33	11153017	NGUYỄN VĂN HÙNG	12/08/93	DH11CD					
34	11153018	ĐÌNH PHÚC ĐẠI	25/05/93	DH11CD					
35	11153019	LÊ HOÀNG KHÁI	13/10/93	DH11CD					

Bảng Ghi Điểm m Thi
Điểm m thi học c kỳ

Môn Học/Nhóm Cơ học lý thuyết t (207103) - 02

Số Tín Chỉ: 3

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	D.Số	Điểm Chữ	Ghi Chú
36	11153021	NGUYỄN VĂN HÒA	10/09/92	DH11CD			
37	11153022	NGÔ TÙNG LÂM	02/07/93	DH11CD			
38	11153023	TRẦN QUỐC HIỆP	18/12/92	DH11CD			
39	11153024	NGUYỄN VIỆT HÙNG	24/10/93	DH11CD			
40	11153025	HUỖNH CÔNG LÝ	16/07/91	DH11CD			
41	11153027	BUI CÔNG NAM	03/12/93	DH11CD			
42	11153028	HUỖNH NGỌC TIẾN	07/02/91	DH11CD			
43	11153029	LÊ DUY THANH	18/09/93	DH11CD			
44	11153030	PHAN TẤN THỊNH	27/09/93	DH11CD			
45	11153031	PHAN TRƯỜNG THỊNH	04/01/92	DH11CD			
46	11153032	PHẠM CÔNG TẤN	30/03/93	DH11CD			
47	11153034	ĐẶNG TRUNG NGHĨA	06/11/93	DH11CD			
48	11153036	NGUYỄN HỮU LUÂN	12/08/88	DH11CD			
49	11153038	LÊ HẢI ĐĂNG	26/04/93	DH11CD			
50	11137008	ĐẶNG PHÚC LỘC	24/03/93	DH11CD			
51	11153026	PHAN TRUNG HẬU	16/11/93	DH11CD			
52	11153035	TRẦN HOÀNG QUỐC	20/01/93	DH11CD			
53	11153037	PHAN HIỀN THẢO	20/03/93	DH11CD	2	Hai	

In Ngày 16/12/2011

Ngày 16 Tháng 12 Năm 2011

Xác nhận của Bộ Môn *Jul* Cán Bộ Chấm Thi 1 *Thu*

Cán Bộ Chấm Thi 2

In Ngày 16/12/2011

TP.HCM, Ngày 16 tháng 12 năm 2011

Ấy Khá Dũng *Đỗ Hữu Toàn*